

Tập 258

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm mười lăm:

(Sao) Thử phân vi tứ: Nhất thị thí pháp quảng đại công đức, vị vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm chủng chủng đẳng.

(鈔)此分為四：一是施法廣大功德，謂無量壽，無量光，三寶道品種種等。

(Sao: Phần này chia làm bốn. Thứ nhất là công đức thí pháp rộng lớn, nghĩa là các thứ như vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo, đạo phẩm v.v...)

Nói rõ “*bất khả tư nghị công đức chi lợi*” rốt cuộc là công đức nào? Là lợi ích nào? Ở đây, đại sư lại giảng rõ cặn kẽ, chia thành bốn điểm. Thứ nhất là “*thí pháp quảng đại công đức*” (công đức thí pháp rộng lớn). Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ chính là đức hiệu của Di Đà Thế Tôn, mà cũng là sự gia trì của Di Đà Thế Tôn đối với hết thảy đại chúng. Đúng như Thích Ca Thế Tôn xuất hiện trong thế gian này, lão nhân gia nói về “nhân từ, thanh tịnh”, [dùng những điều ấy để] chỉ dạy và gia trì chúng ta, có ý nghĩa giống như [những phẩm đức được bao hàm trong danh hiệu của A Di Đà Phật]. Phạm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm địa đều hết sức thanh tịnh; tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, chẳng từ bi, người ấy chẳng thể vãng sanh! Thanh tịnh và từ bi thì ai nấy trong thế giới Tây Phương đều trọn đủ, ai nấy đều là như vậy, đều là thanh tịnh, từ bi. Vì thế, chẳng cần phải đề xướng thanh tịnh, từ bi nữa.

Ở bên ấy, đề xướng điều gì? Đề xướng Quang và Thọ. Quang biểu thị trí huệ, Thọ biểu thị sự thù thắng nhất trong hết thảy các thứ thọ dụng. Người thế gian nói đến phước báo, phước báo có phạm vi bao hàm hết sức rộng rãi. Trong phước báo, quan trọng nhất là trường thọ. Nếu chẳng có thọ mạng, dầu phước báo lớn đến mấy, chính mình chẳng có cách nào hưởng thụ. Điều thứ nhất là phải có thọ mạng để hưởng thụ phước báo của chính quý vị. Vì thế, thọ mạng là đức bậc nhất. Đây cũng là lý do vì sao trong vô lượng [đức năng, phước báo], chỉ dùng Thọ và Quang để đại diện, chính là vì ý nghĩa này.

(Diễn) Vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm chủng chủng đẳng: Thử chỉ sở thí chi pháp dã.

(演)無量壽、無量光、三寶道品種種等，此指所施之法也。

(Diễn): “Các thứ như vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm v.v...” là nói về những pháp được ban xuống).

A Di Đà Phật dùng điều gì để giáo hóa chúng sanh? Dùng những pháp ấy. Chư vị phải biết: Thọ tượng trưng cho phước báo, [vô lượng thọ là] vô lượng phước báo. Quang tượng trưng trí huệ. Chư Phật Như Lai thành Phật, có hiệu là Nhị Túc Tôn, Nhị (二) là trí huệ và phước đức, Túc (足) là trọn đủ, viên mãn. Trí huệ viên mãn và phước đức viên mãn, nên gọi là Nhị Túc Tôn (đáng trọn đủ hai thứ phước và huệ). Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật dạy mọi người hai thứ ấy, chư vị hãy ngắm xem: Đó trực tiếp dạy cho quý vị một phương pháp để thành Phật rốt ráo viên mãn. Thế giới Tây Phương chẳng dạy gì khác, mà dạy thứ này. Đức Phật dùng phương pháp gì để dạy? Dưới đây bèn nói rõ.

(Diễn) Thử pháp hoặc xuất âm phu diễn, hoặc hiện tướng chỉ trần.

(演)此法或出音敷演，或現相指陳。

(Diễn): Những pháp ấy hoặc là phát ra âm thanh để phô diễn, hoặc là hiện tướng để chỉ bày).

“Xuất âm phu diễn” là ngôn giáo (dạy bằng lời nói), tức là giảng kinh, thuyết pháp. “Hiện tướng chỉ trần” là dùng thân giáo (nêu gương bằng thân nghiệp). Nói cách khác, chúng ta gọi là “giáo dục bằng chính cuộc sống”. Trong giáo dục cuộc sống, đầy ấp trí huệ, ngập tràn phước đức.

(Diễn) Dĩ bỉ độ chúng sanh, lục căn thanh tịnh, đắc đại tổng trì.

(演)以彼土眾生，六根清淨，得大總持。

(Diễn): Do chúng sanh trong cõi ấy, sáu căn thanh tịnh, đắc đại tổng trì).

Đúng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh, chúng sanh trong thế giới ấy “sáu căn thanh tịnh”. Toàn bộ những lời lẽ trong phần kể tiếp đều là những điều được nói trong kinh, hết sức quan trọng. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, mới hiểu là “chẳng thể không đến Tây Phương Cực Lạc thế giới”! Sanh về nơi ấy, sáu căn thanh tịnh; chúng ta ở nơi đây mà mong sáu căn thanh tịnh há dễ dàng sao? “Đắc đại tổng trì” cũng là điều chúng ta niệm niệm mong cầu, nhưng cầu chẳng được! Đại tổng trì là gì? Là tổng cương lĩnh của hết thủy vạn pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị đã nắm được. Chỉ cần quý vị nắm được tổng cương lĩnh, nói cách khác, tự nhiên thông đạt hết thủy các pháp, chẳng có một pháp nào không thông đạt. Từ Phật giáo sử, chúng ta biết Long Thọ Bồ Tát học xong Đại Tạng Kinh trong ba tháng, lại còn thông đạt toàn bộ. Vì sao Ngài có năng lực ấy? Tuy Lục Tổ đại sư chẳng duyệt Kinh Tạng, lão nhân gia chưa hề đi học, chẳng biết chữ, nhưng nếu chúng ta hỏi: “Tam Tạng mười hai phần giáo chính là một bộ Đại Tạng Kinh, Lục Tổ có năng lực thông đạt trong vòng ba tháng hay chẳng?” Quan sát từ những ghi chép trong Đàn Kinh, chắc chắn là Ngài có năng lực ấy! Vì sao biết? Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng suốt đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn; kinh Đại Niết Bàn phân lượng rất đáng nể, bốn mươi quyển, đọc lâu lâu, nhưng chẳng hiểu ý nghĩa. Bà ta đọc cho Huệ Năng đại sư nghe. Sau khi nghe xong, Huệ Năng đại sư bèn giảng giải cho bà. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe Lục Tổ giảng giải, bèn khai ngộ. Lục Tổ cần người khác đọc cho Ngài nghe vì Ngài chẳng biết chữ. Cho thấy Ngài đã thông đạt, tuy Ngài chưa hề học. Ngũ Tổ chẳng giảng kinh Đại Niết Bàn cho Ngài, thế mà Ngài thông đạt. Thiên sư Pháp Đạt học Pháp Hoa, thừa cùng Lục Tổ: Sư đã niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt. Niệm kinh Pháp Hoa một lần phải mất thời gian bao lâu? Mỗi ngày chỉ có thể niệm một lần, niệm một bộ. Ba ngàn bộ là mười năm! Dành thời gian mười năm để đọc kinh Pháp Hoa, vẫn chẳng hiểu ý nghĩa. Sư gặp Lục Tổ bèn đánh lễ, đầu chẳng sát đất, ngạo mạn mà! Bị Lục Tổ nhìn ra, Lục Tổ hỏi Sư: “Ông ngạo mạn như vậy, nhất định là có điều gì đáng để kiêu ngạo”. Sư liền thưa Sư đã niệm ba ngàn bộ Pháp Hoa, đáng để kiêu ngạo! Kinh Pháp Hoa có ý nghĩa gì? Sư chẳng biết, bị Lục Tổ hỏi ngược lại [bèn ú ớ], Sư bèn hỏi quay ngược lại thỉnh giáo Lục Tổ đại sư. Lục Tổ đại sư bảo: “Ta chưa từng đọc qua, đương nhiên là cũng chưa hề nghe qua, ông hãy niệm cho ta nghe thử”. Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ nghe tới đó, bảo: “Chẳng cần niệm nữa, kinh này ta đều biết cả rồi”. Vì thế, đối với cả một bộ Đại Tạng

Kinh, Ngài có cần đến ba tháng hay chẳng? Hoàn toàn thông đạt. Tổ giảng kinh Pháp Hoa cho Pháp Đạt, thiền sư Pháp Đạt khai ngộ. Khi ấy, lại đánh lễ, đầu ép sát đất. Nếu quý vị hỏi vì sao những người ấy đối với pháp thế gian và xuất thế gian hề tiếp xúc đều thông đạt ư? Do đắc đại tổng trì, chư vị phải biết điều này. Nếu chúng ta hỏi: “Chúng ta dùng phương pháp gì để có thể đắc đại tổng trì?” Chư Phật Như Lai truyền dạy chúng ta một phương pháp tuyệt diệu, “*tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ*”. Vì quý vị sanh về Tịnh Độ, bèn đắc đại tổng trì, tâm địa thanh tịnh, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt toàn bộ. Huống hồ còn nghe Phật Di Đà thuyết pháp, còn nghe hết thấy chư Phật thuyết pháp. Dẫu không nghe, cũng thông đạt. Đến nghe để làm Ảnh Hưởng Chúng mà thôi! Vì thế, tôi nói lời chân thật, thật thà cùng mọi người. Sống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là cuộc sống như thế nào? Mỗi ngày đến chơi khắp các cõi Phật trong tận hư không khắp pháp giới, hằng ngày đi du lịch, hằng ngày vui chơi, sống cuộc đời ấy, chẳng có gì không thông đạt. Trí huệ và phước báo thấy đều viên mãn, huống hồ hoàn cảnh...

(Diễn) Lục trần giai thuyết, lục căn giai văn, pháp pháp đầu đầu, vô phi diệu pháp cố.

(演)六塵皆說，六根皆聞，法法頭頭，無非妙法故。

(Diễn: Sáu trần đều nói, sáu căn đều nghe, pháp nào, sự nào, không gì chẳng phải là diệu pháp).

Mấy câu này nhằm giải thích câu “*Tam Bảo, đạo phẩm chủng chủng đẳng*” (các thứ như Tam Bảo, đạo phẩm v.v...) Có những kẻ chẳng mong vãng sanh, tức là chẳng có cơ duyên gặp gỡ pháp môn này, chẳng biết ưu điểm của Tây Phương Tịnh Độ. Kinh Đại Thừa thường nói: Khá nhiều vị Bồ Tát mong cầu, nhưng chẳng có cơ hội nghe pháp môn này. Có cơ hội nghe pháp môn này, mà tín nguyện cầu sanh chẳng dậy lên nổi; đó là nghiệp chướng quá nặng. Nếu không, gặp pháp môn này, hiểu rõ lợi ích chân thật này, có ai chẳng cầu vãng sanh? Đó là điều thứ nhất, “*thí pháp quảng đại công đức*” (công đức thí pháp rộng lớn). Lại xem điều thứ hai:

(Sao) Nhị thị thân hóa châu biến công đức.

(鈔)二是神化周遍功德。

(Sao: Hai là công đức thần thông biến hóa trọn khắp).

“Thần” (神) là thần thông, “hóa” (化) là biến hóa. Công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Vị thủy, điều, thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, y thực phục dụng, thọ dụng tự nhiên, chúng sanh giai cụ tướng hảo, thần biến đấng.

(鈔)謂水鳥樹林，咸宣妙法，衣食服用，受用自然，眾生皆具相好神變等。

(Sao: Nghĩa là: Nước, chim, rừng cây đều tuyên thuyết diệu pháp; áo, cơm, đồ dùng, thọ dụng tự nhiên; chúng sanh đều có đủ tướng hảo, thần thông biến hóa v.v...)

Thế giới Tây Phương xác thực là chúng sanh và Phật bình đẳng. Đối với trí huệ và đức năng viên mãn của Phật, trí huệ và đức năng của đại chúng cũng gần như chẳng sai khác A Di Đà Phật cho mấy. Chư vị phải hiểu rõ: Trí huệ và đức năng ấy tuyệt đối chẳng phải do chính những người vãng sanh ấy có, mà là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Vì thế, ai nấy đều có trí huệ và đức năng viên mãn, chư vị xem kinh Vô Lượng Thọ sẽ hiểu rõ điều này. Trong mỗi một nguyện thuộc bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đều nói rất rõ ràng. Phần tiêu chú ghi:

(Diễn) Thủy, điều, thụ lâm hạ tứ cú, thứ Di Đà thần biến đấng.

(演)水鳥樹林下四句，此彌陀神變也。

(Diễn: Bốn câu từ “nước, chim, rừng cây” trở xuống là thần thông, biến hóa của Phật Di Đà).

Bốn câu từ “thủy, điều, thụ lâm” cho đến “thọ dụng tự nhiên” chính là thần thông biến hóa của A Di Đà Phật dành cho đại chúng hưởng thụ. Vì thế, chắc chắn là hết thảy các thứ thọ dụng ở nơi ấy chẳng thiếu khuyết. Đã thế, quý vị thọ dụng giàu có, dư dật chẳng khác chư Phật Như Lai. Đó là do Tánh Đức của Phật Di Đà lưu lộ.

(Diễn) Chúng sanh giai cụ tướng hảo, thần biến đấng, thứ chúng sanh thần biến đấng.

(演)眾生皆具相好神變等，此眾生神變也。

(Diễn: Chúng sanh đều có đủ tướng hảo, thần biến v.v... chính là thân thông biến hóa của chúng sanh).

Oai thần của A Di Đà Phật vừa gia trì, bản thân ai nấy đều cũng có thể biến hóa. Chính mình chẳng thể biến hóa, vẫn khác chư Phật. Chính mình có thể biến hóa, năng lực ấy do Phật gia trì, vì sao? Chính mình chẳng đoạn hết phiền não, tự tánh chẳng hoàn toàn hiển lộ. Tuy chính mình vốn cũng trọn đủ, nhưng bị chướng ngại, chẳng thấu lộ, chẳng thể thọ dụng, nhất định phải được Phật lực gia trì, khiến cho trí huệ và đức năng trong tự tánh của chúng ta cũng khởi tác dụng. Điều này chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) Dĩ bỉ quốc chủng chủng diệu dụng, tuy Di Đà thần biến sở thành, nhược chúng sanh bất đắc thần biến, bất năng thọ dụng.

(演)以彼國種種妙用，雖彌陀神變所成，若眾生不得神變，不能受用。

(Diễn: Do các thứ diệu dụng trong cõi ấy, tuy do thân thông biến hóa của Phật Di Đà tạo thành, nhưng nếu chúng sanh chẳng có thần biến, sẽ không thể thọ dụng).

Đây là Sự Lý chân thật, chúng ta đã hiểu rõ thì mới có thể tin tưởng, tín tâm mới kiên định, tín tâm mới thanh tịnh, mới chẳng hoài nghi.

(Diễn) Kinh vân: Phương tiện thị Bồ Tát Tịnh Độ, Bồ Tát thành Phật thời, ư nhất thiết pháp phương tiện vô ngại chúng sanh lai sanh kỳ quốc, thị dã.

(演)經云：方便是菩薩淨土，菩薩成佛時，於一切法方便無礙眾生來生其國。是也。

(Diễn: Kinh nói: “Phương tiện là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, trong hết thảy các pháp, dùng phương tiện vô ngại khiến cho chúng sanh sanh về cõi ấy” chính là nói về ý này).

Áp dụng mấy câu này vào Tây Phương Cực Lạc thế giới rất thích hợp. Thế giới Tây Phương xác thực là như vậy. Nếu muốn nghiên cứu sâu hơn về chuyện này, Pháp Tướng Duy Thức đã nói rất rõ ràng, minh bạch; ở đây chúng tôi tinh lược, chẳng cần phải nói chi tiết.

(Sao) Tam thị tín thọ túc căn công đức, vị nan tín chi pháp, năng tín thọ giả, túc tu vô lượng thiện căn đẳng.

(鈔) 三是信受宿根功德，謂難信之法，能信受者，宿修無量善根等。

(Sao: Ba là công đức tin nhận do túc căn, nghĩa là người có thể tin nhận pháp khó tin chính là do đời quá khứ đã tu vô lượng thiện căn v.v...)

Đối với ý nghĩa này, đã từng đọc kinh Vô Lượng Thọ thì mới dễ hiểu. Người chưa đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ chẳng hiểu rõ lắm. Đây cũng là điều chúng tôi thường nói, hết thầy chư Phật đều nói pháp môn này là “*pháp khó tin*”. Người nào có thể tin? Trong đời quá khứ đã vun bồi thiện căn sâu dày, người như vậy mới có thể tin tưởng, mới có thể tiếp nhận. Nếu chẳng có thiện căn rất dày mà tin tưởng, tiếp nhận pháp môn này, khó lắm! Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo chúng ta: Thuở ấy, Ngài giảng kinh, vương tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả hiện diện nghe kinh trong pháp hội. Trong đời quá khứ, họ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nghe pháp môn này, vẫn chẳng dậy lên ý niệm phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Nếu nay nghe pháp môn này, thật sự phát tâm mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị ngẫm xem: Đó là căn tánh gì? Nay chúng ta nghe pháp môn này, trong tâm sanh khởi đại hoan hỷ, hận chẳng thể ngay lập tức mong thấy A Di Đà Phật, đến thế giới Cực Lạc, thiện căn của quý vị vượt trội bọn họ quá nhiều. Trong đời quá khứ, chắc chắn là không chỉ thân cận bốn trăm ức chư Phật Như Lai. Quý vị bèn hiểu rõ, đấy chính là thiện căn trong đời quá khứ sâu dày ngàn ấy. Chúng ta giới thiệu pháp môn này với người khác, người khác chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, không chịu học, có đạo lý đấy nhé! Trong đời quá khứ, người ấy chẳng có thiện căn sâu dày như thế, cứ thông thả, dần dần từng đời một, đợi đến vô lượng kiếp, vô lượng kiếp sau nữa, nói với họ, họ sẽ tin tưởng. Vì sao? Thiện căn của người ấy đã dày ngàn ấy. Nay chúng ta thiện căn chín muồi, người ấy còn phải tới vô lượng kiếp sau mới có thể chín muồi.

Hiện thời, khuyên họ là đúng, để họ gieo nhiều thiện căn hơn một tí, đời đời kiếp kiếp gieo thiện căn, lại gieo tới vô lượng kiếp, họ sẽ chín muồi. Chuyện là như vậy đó! Vì thế, trong một đời này, thiện căn của chính mình chín muồi, nhất định phải trân quý tiếc, phải y giáo tu hành, tức là tín nguyện, nhất tâm trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, đó là đúng! Trong một đời này, quyết định thành tựu.

(Diễn) Nan tín chi pháp tam cú, kinh vân: “Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai, cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa”.

(演)難信之法三句，經云：若不往昔修福慧，於此正法不能聞，已曾欽奉諸如來，故有因緣聞此義。

(Diễn: Đối với ba câu “pháp khó tin...”, kinh dạy: “Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ, chẳng thể được nghe chánh pháp này, đã từng phụng sự chư Như Lai, nên có nhân duyên nghe nghĩa này”).

Đây là một bài kệ trong kinh Vô Lượng Thọ. “*Nhược bất vãng tích tu phước huệ*” (Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ): Quý vị chẳng có thiện căn từ đời quá khứ hết sức sâu dày như vậy, sẽ chẳng được! Nghe pháp môn Niệm Phật sẽ lắc đầu, không chịu tiếp nhận. Dạy các pháp môn khác bèn hoan hỷ tiếp nhận, đó là vì chẳng đủ thiện căn. Phải có thiện căn sâu dày nhất thì mới được. Thiện căn kém hơn một bậc, người ấy sẽ chẳng thể tiếp nhận pháp môn này.

(Diễn) Bát Nhã vân: “Nhược nhân nhất niệm sanh tịnh tín giả, đương tri thử nhân, bất ư nhất Phật, nhị Phật nhi chủng thiện căn đẳng”.

(演)般若云：若人一念生淨信者，當知此人，不於一佛二佛而種善根等。

(Diễn: Kinh Bát Nhã dạy: Nếu người nào một niệm sanh tịnh tín, hãy nên biết người ấy chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi một đức Phật, hoặc hai đức Phật v.v...)

Kinh Kim Cang dạy: Có thể sanh khởi tín tâm thanh tịnh đối với Đại Thừa Phật pháp thì kẻ ấy thuộc loại [có thiện căn, phước đức] đáng

nề, chẳng phải là một nhân vật lèng èng. Điều này nói rõ thiện căn trong đời quá khứ hết sức trọng yếu.

(Sao) Tứ thị quả báo nan thắng công đức.

(鈔) 四是果報難勝功德。

(Sao: Bốn là công đức do quả báo khó thể vượt trội).

Chúng ta càng phải hiểu rõ, thật sự minh bạch điều này: Dẫu trong đời quá khứ, thiện căn của chúng ta còn sai kém một chút, tiếp nhận sự chỉ dạy ấy, xác thực là hiện tại có thể bù đắp chỗ thiếu khuyết trong thiện căn, có thể thành công. Vì thế, vốn chẳng tin, đã học mấy năm bèn tin tưởng. Vì sao? Người ấy đã được bù đắp. Do đó, trong hiện thời có thể nỗ lực bù đắp thiện căn. Từ [hành trạng của] những vị tổ sư đại đức vãng sanh trải khắp các đời, chúng ta có thể thấy được tình hình này. Dẫu là thị hiện, cũng xác thực là sự thật, [các vị tổ sư đại đức đã thị hiện nhằm] chỉ rõ [thiện căn thiếu khuyết bèn] có thể bỏ túc, như Ấn Quang đại sư là thị hiện. Thuở đầu học Phật, Ấn Quang đại sư không tin Tịnh Độ. Thuở trẻ, Ngài đọc sách Nho, chẳng tin tưởng Phật pháp, lại còn soạn văn chương phê phán, hủy báng Phật pháp, trong quá khứ đã làm những chuyện ấy. Trong lịch sử, chuyện giống như vậy không chỉ là một mình Ngài, khá nhiều vị tổ sư đại đức thoát đầu đều có thái độ ấy. Về sau, do tiếp xúc bèn dần dần hiểu rõ, tu tập, tích lũy thiện căn, dần dần bù đắp những thiện căn và phước đức thiếu sót, sanh khởi tín tâm sâu xa đối với pháp môn này, đạt được mục tiêu “vãng sanh bất thoái thành Phật trong một đời”. Do vậy, [thiện căn và phước đức khuyết thiếu] có thể bù đắp! Cũng có nghĩa là: Chúng ta chẳng có tín tâm đối với pháp môn này, có thể kiến lập tín tâm. Kiến lập tín tâm chính là mười phần liễu giải pháp môn này, có nhận thức chân chánh đối với lý luận và sự thật. Người ấy đã hiểu rõ, tín tâm bèn sanh khởi. Thế nhưng chúng ta thấy có nhiều bà cụ chẳng biết chữ, chưa hề học hành, họ chẳng cần liễu giải lý luận và sự thật của pháp môn này. Căn bản là các cụ chẳng hỏi tới, vừa nghe nói bèn cứ một câu A Di Đà Phật niệm tới cùng, khi mắt có thụy tướng còn thù thắng hơn các vị đại pháp sư. Đại pháp sư khi mắt còn ngã bệnh, nằm mát; người ta chẳng sanh bệnh, đứng ra đi, do nguyên nhân gì? Hoàn toàn là do thiện căn sâu dày. Vì sao các vị đại pháp sư không bằng những bà cụ ấy? Đại pháp sư học vấn cao hơn các cụ, [xét theo phương diện học vấn] các cụ chẳng thể bằng các vị pháp sư

ấy; nhưng nếu nói tới thiện căn, các pháp sư chẳng bằng các cụ, chuyện là như vậy đó. Hiểu rõ sự thật này, khá nhiều nổi nghi vấn tự nhiên được giải trừ. Tôi cũng đã gặp rất nhiều người hỏi về vấn đề này. Có nhiều vị pháp sư đại đức nổi tiếng trong nước, thông Tông, thông Giáo, suốt đời tu hành hết sức tốt đẹp, vì sao lúc mất thụy tướng vẫn chẳng bằng một người bình phàm? Do thiện căn và phước đức trong quá khứ của người bình phàm ấy sâu dày! Xét theo phương diện này, vị pháp sư chẳng sánh bằng người ấy, đạo lý ở chỗ này. Chúng ta hãy xem sự thù thắng nơi quả báo.

(Sao) Vị tức đắc vãng sanh, tức đắc nhập thượng thiện hội.

(鈔)謂即得往生，即得入上善會。

(Sao: Nghĩa là hề được vãng sanh, bèn được dự ngay vào hội của các vị thượng thiện nhân).

“*Tức đắc*” (即得) là ngay lập tức đạt được. Chúng ta hãy đặc biệt chú trọng hai chữ ấy. “*Vãng sanh*” chẳng thể nghĩ bàn, vãng sanh là thoát ly lục đạo luân hồi. Thoát ly lục đạo luân hồi là chuyện khó khăn dường ấy, kẻ bình phàm muốn vượt thoát luân hồi, phải tu thành công Cửu Thử Đệ Định thì mới có thể vượt thoát. Do Tứ Thiên Bát Định chỉ có thể sanh về Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, chẳng thoát khỏi tam giới! Nhất định phải tu đến Cửu Thử Đệ Định thì mới có thể thoát tam giới, mấy ai có thể làm được? Cửu Thử Đệ Định là Kiến Tư phiền não đều đoạn hết, há dễ dàng ư? Hề vãng sanh, nói cách khác, công phu của quý vị thua kém người thành tựu Cửu Thử Đệ Định. Cửu Thử Đệ Định là A La Hán, Bích Chi Phật, công phu của chúng ta chẳng bằng họ, nhưng nói theo sự thành tựu thì vượt trội họ, họ chẳng bằng chúng ta. Tuy họ có thể thoát khỏi tam giới, điểm này giống như chúng ta; nhưng sau khi đã thoát tam giới, những điều họ đạt được chẳng sánh bằng chúng ta, thua kém quá xa. “*Tức đắc nhập thượng thiện hội*” (Liên được dự vào hội của các vị thượng thiện nhân): Thế giới Tây Phương là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các vị thượng thiện nhân nhóm họp cùng một chỗ), “*thượng thiện*” là Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác là những vị giống như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc... Người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh, có thể cùng đứng, cùng ngồi với các vị Đẳng Giác Bồ Tát, xưng huynh gọi đệ, vì các Ngài trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là học trò của A Di

Đà Phật, chúng ta tới đó cũng là học trò của A Di Đà Phật, quan hệ đôi bên là sư huynh, sư đệ.

(Sao) Túc đắc Bất Thoái Chuyển địa.

(鈔)即得不退轉地。

(Sao: Liên đắc địa vị Bất Thoái Chuyển).

Bất Thoái Chuyển là viên chứng ba món Bất Thoái, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị lập tức đạt được. Chư vị xem đoạn văn này, đôi khi có thể hoài nghi. Ở đây nói là “*túc đắc*” (liền đạt được), kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói hạ phẩm hạ sanh phải trải qua mười hai kiếp thì mới là hoa nở, thấy Phật, làm sao là “*túc đắc*” cho được? Chẳng phải là có mâu thuẫn ư? Hạ phẩm trung sanh phải mất sáu kiếp mới có thể đạt được, làm sao có thể là “*túc đắc*” cho được? Quý vị nhất định phải hiểu rõ, Quán Kinh nói đến chuyện [quý vị đạt được ba món Bất Thoái, thân thông, đạo lực, trí huệ] do cậy vào năng lực của chính mình! Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở bên đó thông thả tu hành, tu mất một thời gian dài như vậy thì mới có thể [thật sự] đạt được [ba món Bất Thoái, thân thông, đạo lực, trí huệ do công phu tu hành của chính mình]. Ở đây nói, quý vị ngay lập tức đạt được, có thể thấy đó chẳng phải là cảnh giới đạt được do công phu tu hành của chính quý vị, mà là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì khiến cho quý vị đạt được. Nếu quý vị nghe mà vẫn chưa hiểu, tôi nêu một tỷ dụ để nói. Quý vị sanh trong một gia đình phú quý, cha quý vị đại phú, đại quý, tuy quý vị còn chưa trưởng thành, còn chưa kiếm ra tiền, nhưng sống trong biệt thự tráng lệ, hào nhoáng, ra khỏi cửa bèn ngồi xe hơi đắt tiền, [tiền của] ai? Tiền của cha quý vị, chẳng phải là của chính mình. Lại qua mấy năm sau, tự quý vị kiếm được tiền, cũng sống ở đó, cũng lái xe đó, nhưng những thứ đó là của chính quý vị. Quý vị đã hiểu rõ rồi chứ? Chúng ta đến nơi ấy, “*túc đắc*” là do A Di Đà Phật ban cho chúng ta. Qua mười hai kiếp sau, đó là năng lực của chính mình. Ví như đứa nhỏ ấy khôn lớn, tự mình có năng lực kiếm tiền, có năng lực để hưởng thụ. Trong khi chính kẻ ấy còn chưa có năng lực đó, A Di Đà Phật sẽ gia trì kẻ ấy. Nói cách khác, sanh về cõi ấy, sẽ đạt được những thọ dụng đó, đấy chính là “*túc đắc*”. Vì thế, cả hai kinh đều nói chẳng sai, đều là nói lên chân tướng sự thật. Nhưng quý vị tu hành trong các thế giới phương khác, chẳng được Phật gia trì, ắt cần phải tự mình tu đạt đến cảnh giới ấy thì

mới có sự thọ dụng ấy. Nhưng tu hành trong các thế giới phương khác và tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hoàn toàn khác nhau: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh mười hai đại kiếp bèn thành tựu; trong các thế giới phương khác, muốn tu đến cảnh giới A Bộ Bạt Trí phải cần tới hai A-tăng-kỳ kiếp. So sánh thời gian, sai khác quá lớn! Như vậy thì mới biết thế giới Tây Phương thù thắng, tới đó thành tựu mau chóng! Huống chi chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể nào thuộc về hạ phẩm hạ sanh. Hạ phẩm hạ sanh là kẻ tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác, chúng ta chẳng tạo tội nghiệp to như vậy! Tuy tạo tội nghiệp chẳng ít, nhưng chẳng tạo nghiệp nặng nề đường ấy: Giết cha, giết mẹ, [giết A La Hán], phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu, chúng ta vẫn chưa làm! Nói cách khác, địa vị vãng sanh thấp nhất của chúng ta cũng là hạ phẩm trung sanh, thuộc địa vị ấy. Hạ phẩm trung sanh, sáu kiếp bèn hoa nở, thấy Phật; quý vị ngẫm xem thời gian quá nhanh chóng. Thượng phẩm vãng sanh, sanh về đó bèn hoa nở, thấy Phật. Thiện Đạo đại sư nói: Chín phẩm vãng sanh mỗi kẻ phạm phụ chúng ta đều có phần. “*Do gặp duyên bất đồng mà có chín phẩm sai khác*”. Duyên thù thắng, nếu chúng ta liễu giải thấu triệt cảnh giới, lý luận và sự thật của Tây Phương, duyên ấy bèn sâu, khiến cho quý vị chẳng có mảy may nghi hoặc nào, chắc chắn là thượng phẩm vãng sanh.

(Sao) Tất cánh thành Phật đặng.

(鈔)畢竟成佛等。

(Sao: Rốt ráo thành Phật...)

Bốn câu này nói lên lợi ích bao gồm bốn thứ công đức chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Giai siêu việt thường tình, cố vấn bất khả tư nghị.

(鈔)皆超越常情，故云不可思議。

(Sao: Đều vượt trội thường tình, nên nói là “chẳng thể nghĩ bàn”).

“*Thường*” (常) là thường thức, “*tình*” (情) là kiến giải. Vượt thoát sự tư duy, tưởng tượng, kiến giải thông thường của chúng ta, đơn giản là chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được sự thù thắng của Tịnh Độ. Chư vị phải biết: Mở Đại Tạng Kinh ra, công đức lợi ích được giảng

trong bất cứ bộ kinh nào cũng đều thua kém những điều đang được nói ở đây rất xa! Thế mà phương pháp tu hành đơn giản, dễ dàng, quả báo thù thắng chẳng thể sánh bằng. Quý vị ngẫm xem, có thể nghe đến [pháp môn này] là do nhân duyên gì vậy? Là do phước đức như thế nào?

(Sao) Như Kim Cang Bát Nhã vân: “Thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị”, thị dã.

(鈔)如金剛般若云：是經義不可思議，果報亦不可思議。是也。

(Sao: Như kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Kinh này nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn”, chính là nói lên ý nghĩa này).

Kinh Kim Cang nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. So giữa kinh Kim Cang và kinh Di Đà, kinh Kim Cang là có thể nghĩ, có thể bàn. Kinh Di Đà thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Mười phương ba đời hết thầy chư Phật tán thán kinh Di Đà, chẳng tán thán kinh Kim Cang. Hết thầy chư Phật Như Lai đề cao pháp môn Niệm Phật, chẳng đề cao pháp môn Bát Nhã. Từ chỗ này, hãy rất lắng lòng quan sát, quý vị mới thật sự thấu hiểu vài phần lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn được nói trong kinh.

(Sao) Y, chánh, nhân quả giả, y vị Đồng Cư tức Tịch Quang, chánh vị Ứng Thân tức Pháp Thân.

(鈔)依正因果者，依謂同居即寂光，正謂應身即法身。

(Sao: “Y báo, chánh báo, nhân, quả”: Y báo thì cõi Đồng Cư tức là cõi Tịch Quang, chánh báo thì Ứng Thân tức là Pháp Thân).

Thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Vì trong mười phương thế giới, cõi Phạm Thánh Đồng Cư là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phạm Thánh Đồng Cư quyết định chẳng phải là cõi Phương Tiện Hữu Dư, cũng quyết định chẳng phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đương nhiên lại càng không phải là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Đức Thế Tôn nói điều này trong hết thầy các kinh Đại Thừa, bốn cõi có sai biệt, chẳng thể nói lẫn

lộn được. Nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng vậy, “*một chính là bốn, bốn chính là một*”, điều này chẳng thể nghĩ bàn. Nói “*Đồng Cư là Tịch Quang*”, đương nhiên là những cõi ở giữa sẽ được bao gồm trong ấy, trong ấy có cõi Thật Báo, có cõi Phương Tiện. Phạm phu sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới; chư thượng thiện nhân, Đẳng Giác Bồ Tát trụ trong Tịnh Độ là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, làm sao chúng ta có thể ở chung với nhau? Giống như trong hiện thời, thế gian này chính là cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có cõi Phương Tiện Hữu Du, cũng có cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cũng có Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng những vị La Hán và Bồ Tát ở trong các nơi ấy, chúng ta chẳng thấy, chẳng ở cùng một chỗ với các Ngài! Thế nhưng, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng phải là như vậy, ở cùng một chỗ. Đẳng Giác, Quyền Thật Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, thấy đều trông thấy, hằng ngày ở cùng nhau, đó là y báo chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh báo thì Ứng Thân là Pháp Thân, Báo Thân chẳng cần phải nói nữa, tự nhiên được bao gồm trong ấy. Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân, một thân là ba thân, ba thân là một thân. Thấy Ứng Thân của A Di Đà Phật chính là thấy Báo Thân và Pháp Thân của Phật, chẳng hai, chẳng khác. Trong thế giới Cực Lạc, Ứng Thân của A Di Đà Phật là khắp hết thấy mọi nơi. Chúng ta thường nói theo Lý, Pháp Thân khắp hết thấy mọi nơi. Trong thế giới Tây Phương, Ứng Thân của A Di Đà Phật khắp hết thấy mọi nơi. Từ mười sáu phép Quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chư vị thấy chỗ ở, vườn rừng trong thế giới Tây Phương thù thắng bậc nhất, cây cối, hoa cỏ nhiều, đúng là chôn dinh dưỡng tánh tình, dưới gốc cây to hết sức mát mẻ, nghỉ ngơi ở nơi ấy rất tự tại. Đương nhiên là có thể nghe Phật thuyết pháp càng tốt hơn. Đức Phật luôn ngồi dưới cội cây thuyết pháp, dưới mỗi cội cây đều có A Di Đà Phật, tức là Ứng Hóa Thân của A Di Đà Phật. Nếu không, thế giới to lớn dường ấy, người đông ngàn ấy, chỉ có một A Di Đà Phật, làm sao quý vị có thể thấy Ngài? Quý vị chẳng có cơ duyên thấy Ngài! Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật dùng Ứng Hóa Thân, vô lượng Ứng Hóa Thân; cho nên mỗi cá nhân đều cùng A Di Đà Phật gặp mặt mỗi ngày. Đúng là dường như A Di Đà Phật cũng chẳng đến, mà chúng ta cũng chẳng tới chỗ Ngài, [thế mà] hằng ngày ở cùng một chỗ. Trong mười phương hết thấy thế giới của chư Phật đều chẳng có quả báo ấy, đúng là quả báo chẳng thể nghĩ bàn!

(Sao) Nhân vị thất nhật công thành, quả vị nhất sanh bất thoái.

(鈔)因謂七日功成，果謂一生不退。

(Sao: Nhân là bảy ngày thành công, quả là Bất Thoái trong một đời).

Thời gian tu hành chẳng cần rất dài. Kinh dạy: “Hoặc một ngày cho đến bảy ngày”. Chỉ cần tu hành đúng lý, đúng pháp, quyết định thành công. Quả báo là “nhất sanh bất thoái”, [nghĩa là] hễ quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn viên chứng ba món Bất Thoái. Viên chứng ba món Bất Thoái, xét theo quả thì sự thọ dụng bằng với Thất Địa hoặc Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo. Chúng ta cậy vào sự tu hành của chính mình chứng đến Thất Địa hoặc Bát Địa cần phải mất thời gian hai A-tăng-kỳ kiếp thì mới có thể chứng được. Dùng pháp môn này, vài ngày đã đạt được. Vì thế, pháp môn này đúng là pháp khó tin. Bồ Tát chẳng có cách nào tiếp nhận, chẳng có cách nào tin tưởng.

(Sao) Diệc phục siêu việt thường tình, cố câu bất khả tư nghị dã.

(鈔)亦復超越常情，故俱不可思議也。

(Sao: Cũng lại vượt trội thường tình, nên đều là chẳng thể nghĩ bàn).

Kể đó, Liên Trì đại sư trích dẫn một sự thật để chứng minh.

(Sao) Tích, Anh pháp sư ư Đông Đô giảng Hoa Nghiêm kinh tứ thập biến, nhân nhập Xước thiên sư Tịnh nghiệp đạo tràng, thâm nhập tam-muội, thán viết: “Tự hận đa niên không tâm văn sớ, lao thân tâm nhĩ, hà kỳ niệm Phật bất khả tư nghị”.

(鈔)昔，英法師於東都講華嚴經四十遍，因入綽禪師淨業道場，深入三昧，歎曰：自恨多年空尋文疏，勞身心耳，何期念佛不可思議。

(Sao: Xưa kia, Anh pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm bốn mươi lần tại Đông Đô¹, do dự vào Tịnh nghiệp đạo tràng của Đạo Xước thiên sư,

¹ Đông Đô chính là thành phố Lạc Dương thời Đường. Danh xưng này bắt nguồn từ thời Tây Châu. Châu Thành Vương đóng đô tại Cảo Kinh (tức là Trường An sau này,

thâm nhập tam-muội, than rằng: “Tự hận đã nhiều năm uổng công truy tìm trong sớ giải và kinh văn, thân tâm mệt nhọc, nào ngờ niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn”).

Quá khứ, Anh pháp sư tham gia đạo tràng Niệm Phật của thiền sư Đạo Xước, trong Niệm Phật Đường đặc tam-muội. Ngài có thể đặc Niệm Phật tam-muội trong Niệm Phật Đường; nói thật ra, cũng chẳng thể nói là bốn mươi lượt giảng Hoa Nghiêm không có ảnh hưởng. Ngài hết sức cảm thán: Trong quá khứ, hơn nửa đời dốc sức nghiên cứu kinh luận và chú giải, đi khắp nơi giảng giải, chẳng đạt được lợi ích chân thật, đạt được hư danh trong thế gian mà thôi! Vất vả, nhọc nhằn thân tâm của chính mình. “*Nào ngờ Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn*”. Chẳng ngờ đạt được thọ dụng trong pháp môn Niệm Phật, thành tựu tam-muội. Điều này chỉ rõ pháp môn Niệm Phật thật sự vượt trội các pháp môn khác. Pháp môn Niệm Phật chỉ cần chuyên, chỉ cần tinh, đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn. Niệm Phật tam-muội là nhất tâm bất loạn, chẳng khó chứng đắc. Đã chứng đắc tam-muội này, đúng là đắc đại tự tại, được thọ dụng chân thật.

(Diễn) Không tầm văn sớ lao thân tâm giả, Tứ Thập Nhị Chương Kinh vân: “Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội, thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại”.

(演)空尋文疏勞身心者，四十二章經云：博聞愛道，道必難會，守志奉道，其道甚大。

(Diễn: “Uổng công truy tìm trong sớ giải và kinh văn, thân tâm mệt nhọc”, kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói: “Do học rộng nghe nhiều, tuy yêu thích đạo, mà ắt khó hiểu đạo. Giữ chí, vững giữ đạo, đạo ấy rất lớn”).

Bốn câu này hết sức đơn giản, gồm mười sáu chữ, đúng là một khai thị mạnh mẽ nhất đối với những người tu hành mà mong mỗi chính mình có thành tựu, chỉ dạy chúng ta hãy nên dùng thái độ như thế nào để tu học. Mười sáu chữ ấy là nguyên tắc và cương lĩnh tu hành, hề có thể tuân thủ thì đúng là “công ít, hiệu quả nhiều”, có thể thu được hiệu quả

nay là thành phố Tây An). Vua lại lấy Lạc Ấp làm kinh đô, đặt tên là Đông Đô vì Lạc Ấp ở phía Đông của Cao Kinh.

rất tốt đẹp. “*Bác văn*” (博聞) là quý vị thực hiện bằng cách học rộng nghe nhiều. “*Ái đạo*” (愛道) là quý vị hết sức ưa chuộng Đại Thừa Phật pháp. “*Đạo tất nan hội*” (Ất khó hiểu đạo), “*hội*” (會) là hiểu rõ, khế nhập, cũng là “*chứng đạo*” như chúng ta thường nói. Quý vị muốn hiểu rõ, mong khế nhập, mong chứng đắc, quá khó khăn! Điều này chứng tỏ: Anh pháp sư suốt một đời dốc sức nơi kinh Hoa Nghiêm, tuy giảng kinh bốn mươi lượt, những điều Ngài đã giảng đều là bề ngoài, đều là tri kiến dựa trên văn tự, chẳng có một tí tác dụng nào. Nói cách khác, chẳng thể hội quy tự tánh sẽ vô dụng, cũng như Thanh Lương đại sư đã nói: Đều là tăng trưởng tà kiến! Phải như thế nào thì mới có thể kiến tánh? “*Thủ chí phụng đạo*” (Giữ chí, phụng hành đạo) tức là thâm nhập một môn thì được, đạo ấy rất to lớn. “*Chí*” (志) là dốc chí chuyên nhất, quý vị có thể đạt được. “*Phụng*” (奉) là phụng hành. Y giáo phụng hành, thâm nhập một môn, sẽ là đúng. Phật pháp nói theo Lý là bình đẳng, “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Chỉ cần thâm nhập một môn, thấy đều có thể minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đều có thể thành tựu. Bất luận quý vị trì Giới cũng vậy, tham Thiền cũng vậy, học Giáo cũng vậy, trì Chú cũng vậy, niệm Phật cũng vậy. Một môn! Quyết định chẳng thể học hai môn. Hai môn trở lên sẽ khó lắm! Ví như hiện thời Phật Đường này có ba cái cửa, quý vị ở ngoài cửa suy xét mong tiến vào, theo cửa nào để tiến vào? Có cách nào đồng thời tiến vào cả ba cửa hay chẳng? Quý vị ở bên ngoài dấy vọng tưởng, dấy vọng tưởng cả đời cũng chẳng tiến vào được! Nếu theo một cửa mà tiến vào, theo bất cứ cửa nào cũng tiến vào được, đạo lý là như vậy đó. Sau khi đã tiến vào, quý vị đạt được pháp môn Đại Tổng Trì, chẳng có gì quý vị không đạt được. Quý vị chẳng tiến vào, ở bên ngoài bèn có sai biệt, [sẽ thấy] có vô lượng pháp môn. Sau khi đã tiến vào, [vô lượng pháp môn] bèn biến thành một. Vô lượng pháp môn đều quy về cùng một chỗ; một chính là vô lượng, vô lượng chính là một.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương và kinh Bát Đại Nhân Giác là những kinh được phiên dịch trước nhất khi Phật pháp vừa mới được truyền vào Trung Hoa. Trên thực tế, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài chưa từng giảng kinh Bát Đại Nhân Giác hoặc kinh Tứ Thập Nhị Chương. Kinh Bát Đại Nhân Giác và kinh Tứ Thập Nhị Chương đều thuộc loại trích yếu của các kinh, đó là phương pháp được sử dụng trong thời kỳ đầu khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa. Cùng một đạo lý như vậy, chúng ta truyền bá Phật pháp sang ngoại quốc, dùng phương pháp ấy là

tốt nhất. Trích yếu các kinh, trích lục các kinh, vừa dễ dịch, vừa dễ giảng, lại rất khế cơ, xác thực là thuận tiện cho kẻ sơ học. Những câu [được trích lục] trong các bản ấy, câu nào cũng đều vô cùng tinh túy, chẳng hề nói thừa.

(Diễn) Vĩnh Gia vân: “Ngô tảo niên lai tích học vấn, diệc tăng thảo sớ tâm kinh luận, phân biệt danh tướng bất tri hư, nhập hải toán sa, đồ tự khốn”, thị dã.

(演)永嘉云：吾早年來積學問，亦曾討疏尋經論，分別名相不知休，入海算沙徒自困。是也。

(Diễn: Ngài Vĩnh Gia nói: “Tôi thuở đầu chuyên tích lũy học vấn, cũng từng tìm kiếm sớ giải, tìm tòi kinh luận, phân biệt danh tướng chẳng biết ngưng nghỉ, vào biển đếm cát, tự nhọc nhằn uống công” là nói về ý này).

Bài kệ này của Vĩnh Gia đại sư trích từ Chứng Đạo Ca. Vĩnh Gia đại sư là học trò của Lục Tổ, Ngài chỉ học với Lục Tổ một ngày, vấn đáp mấy câu trong hội của Lục Tổ, được Tổ ấn chứng đã khai ngộ. Ngài lại muốn ra đi, Lục Tổ nói: “Sao ông đi mau như thế? Hãy ở lại một đêm, ngày mai sẽ đi”. Lục Tổ giữ Sư ở lại một đêm, đó là [công án] Nhất Túc Giác (一宿覺: một đêm giác ngộ) nổi danh. Bài kệ này do Ngài làm sau khi đã khai ngộ, thuật chuyện trước kia, trong khi Ngài mò mẫm, đã gặp những chướng nạn. Nhưng các bậc từng trải đã nói toạc chân tướng sự thật, người đời sau trông thấy những gương ấy mà vẫn mong dẫm theo vết, vẫn chẳng giác ngộ, vẫn chẳng chịu quay đầu, đúng là kẻ ngu! Thoạt đầu ngài Vĩnh Gia cũng nghiên cứu giáo lý. “*Thảo sớ*” (討疏), Sớ (疏) là chú giải, [*“thảo sớ”* nghĩa là] sưu tập những bản chú giải xưa nay của các vị đại đức để tham khảo, nghiên cứu kinh luận, đồ công dộc sức nơi đó. Phân biệt tư duy những danh tướng ấy chẳng biết ngưng nghỉ, rất tinh tấn, rất siêng năng, suốt ngày đêm đều bận bịu học hành. Khi chúng ta mê muội, trông thấy như vậy [bền hâm mộ, cho là] lỗi lạc quá, thật sự dụng công, cứ ngỡ đó là học vấn. Người giác ngộ nói đó là dấy vọng tưởng, làm chuyện thuộc tà tri tà kiến. Đồ công nơi danh tướng và lý luận, các nhà Duy Thức bảo là “*nhập hải toán sa*” (vào biển đếm cát), bao giờ xong? Sau khi đã ngộ, mới biết làm chuyện ấy chính là “*tự khốn*”, [tức là] tự mình gây khó khăn cho chính mình.

Những lời ấy đều là nói sau khi đã khai ngộ, đều là lời lẽ của bậc từng trải. Nhưng chư vị nhất định phải ghi nhớ, đi theo con đường ấy, người thực hiện thành công có được mấy ai? Quá ư là ít. Người chẳng đi trọn hết, chết gục trong ấy, thường nói là “*chết trong Giáo Hạ, bị vây khốn trong mê cung*”. Giáo võng² được gọi là mê cung; sau khi đã bước vào, vĩnh viễn chẳng thoát ra được. Kẻ thoát ra là kẻ may mắn! Như Anh pháp sư đã nói trong phần trước, nếu Ngài chẳng dựa vào Niệm Phật Đường của thiền sư Đạo Xước, sẽ chẳng thoát ra được. Chẳng thoát ra được tức là chết ngắc trong Giáo Hạ. Vĩnh Gia đại sư có cơ hội gặp gỡ Lục Tổ Huệ Năng đại sư, đây cũng là một người lặn lội trong giáo võng hết sức may mắn. Cuối cùng là kết luận, nào ngờ “*niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn*”.

Xét theo toàn thể Đại Thừa Phật pháp để nói, bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư là một công hiến vô cùng tuyệt diệu. Ngài có thể nói minh bạch chân tướng của Đại Thừa Phật pháp và biện cả Phật pháp, chỉ bày chánh xác phương hướng, mục tiêu cho chúng ta. Đó là công hiến lớn nhất của Ngài. Chúng ta đọc kỹ càng [Sớ Sao], chú tâm lãnh hội, có thể nói là tất cả nghi hoặc đều tiêu trừ, tín nguyện chân thật được kiến lập từ chỗ này. Chúng ta thiếu khuyết thiện căn và phước đức, đều cậy vào nhân duyên này để bổ túc. Chúng ta in Sớ Sao rất nhiều, có mấy người đọc? Dầu đọc, có thể đọc hiểu hay không? Do vậy có thể biết, nhân duyên khó có lắm! Giảng Sớ Sao một lượt chẳng dễ dàng, cần phải có thời gian rất dài, giảng rất khó, mà nghe cũng chẳng dễ dàng.

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh ly tâm ngôn tướng, thị bất khả tư nghị công đức nghĩa.

(疏)稱理，則自性離心言相，是不可思議功德義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh lià tướng tâm ngôn là ý nghĩa “công đức chẳng thể nghĩ bàn”).

“*Tự tánh*” là Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh, chẳng có ngôn ngữ, chẳng có tướng trạng. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta: “*Lià tướng ngôn thuyết, lià tướng danh tự, lià tướng tâm duyên*”. Chẳng có cách nào tưởng tượng, mà cũng không

² Gọi là “*giáo võng*” vì giáo nghĩa có quá nhiều danh tướng, thuật ngữ phức tạp, người học sẽ dễ dàng sa đà trong danh tướng như mắc vào trong lưới chẳng thoát ra được nên gọi là “*giáo võng*” (lưới giáo).

có cách nào bày tỏ, đó là “*công đức chẳng thể nghĩ bàn*”, nhà Thiên thường nói chuyện ấy. Vào thời đại của Liên Trì đại sư, kẻ bình phàm thường nghĩ Thiên là cao nhất trong Phật pháp, cho nên đại sư giới thiệu kinh A Di Đà, sau mỗi đoạn đều dùng cảnh giới Thiên để đại chúng được hiểu ý nghĩa kinh văn [nói theo Lý] hòng chứng minh kinh A Di Đà xác thực là “*vô thượng thâm thâm Thiên*”. Trong bản chú giải của lão nhân gia, tuyệt đại đa số là trích dẫn kinh Hoa Nghiêm. Nói theo Giáo Hạ, mọi người đều thừa nhận kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, là vua của các kinh, lão nhân gia chỗ nào cũng dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh A Di Đà, nhằm nâng cao kinh A Di Đà lên ngang bằng kinh Hoa Nghiêm, dụng ý ở chỗ này. Ngài nêu rõ trong Đại Thừa Phật pháp, kinh này mới xác thực là kinh bậc nhất, đó là dụng tâm khổ sở của lão nhân gia. Sự thật xác thực là như thế! Đáng tiếc là người đời chẳng nhận thức, thật đáng tiếc! Vì thế, đây là xứng tánh, tự tánh có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Đây là điều Thiên, Giáo, Mật, chẳng có một ai không thừa nhận. Các thứ sự tướng được nói trong kinh Di Đà, toàn là công đức chẳng thể nghĩ bàn lưu lộ từ tự tánh, từ trong tự tánh của A Di Đà Phật lưu lộ. A Di Đà Phật gia trì hết thấy đại chúng, khiến cho hết thấy đại chúng tuy chẳng đoạn phiền não, là hạ phẩm vãng sanh, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh thấy đều chẳng đoạn, nhưng do được oai thần của Phật Di Đà gia trì, cũng có thể dẫn khởi công đức từ trong tự tánh, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chuyện là như thế đó. Chúng ta đã biết Lý, sẽ chẳng hoài nghi nơi sự thật. Đoạn nghi thì mới có thể sanh ra tín tâm quyết định. Từ tín tâm mới sanh khởi nguyện vọng khẩn thiết, chúng ta mới có thể niệm câu Phật hiệu rất hoan hỷ, niệm chẳng mỏi mệt, chẳng chán nản, có thể sanh ra pháp hỷ, mới có thể đạt được thọ dụng chân thật. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!